

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HSST

Ngày 08/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST ngày 13/6/2019 đối với các bị cáo:

Cà Văn H, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: Bản Nà T, xã Chiềng P, huyện Th, tỉnh S;

Chỗ ở hiện nay: Bản Nà T, xã Chiềng P, huyện Th, tỉnh S;

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Cà Văn C, sinh năm 1971; Con bà: Quàng Thị H, sinh năm 1976; Anh chị em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ; con: Không có.

Tiền án; Tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - Có mặt.

Quàng Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Bản Huổi L, xã P, huyện Th, tỉnh S;

Nơi thường trú: Bản Huổi L, xã P, huyện Th, tỉnh S;

Ngoài ra bị cáo Quàng Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại: Bản Hua Nà B, xã T, huyện Th, tỉnh S, nơi thường trú này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số: 330/QĐ, Quyết định hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật, ngày 28/ 3/ 2019, của Công an huyện Th, tỉnh S.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Quàng Văn K, sinh năm 1976; Con bà: Tòng Thị D, sinh năm 1969; Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ; con: Không có.

Tiền án; Tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh C - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn H: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C - Có mặt.

- Người bị hại: Nguyễn Duy L

Địa chỉ: Tổ 16, Phường Định C, Quận Hoàng M, Thành phố H - Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Ngọc H

Địa chỉ: Nhà B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C.

2. Hà Văn Hu

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C

Người làm chứng : Trương Thị Q

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 12 năm 2018 Cà Văn H ký hợp đồng giao khoán số 1012 /HĐGK/ĐA 01 - BNT/2018 với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Anh, có trụ sở tại khu Dốc B, phường La K, quận H, Hà N về việc: Xây dựng cột an ten, phòng máy lắp đặt thiết bị 3 G và phụ trợ tại 08 trạm phát sóng (Smallcell) tỉnh C, trong nhóm thi công của H có Quàng Văn Đ và Lường Văn N, cả nhóm thuê nhà nghỉ tại thị trấn Xuân H, huyện Hà Q, tỉnh C, ngày 15/01/2019 tại nhà nghỉ Hồng M thuộc thị trấn Xuân H Cà Văn H và Quàng Văn Đ bàn bạc với nhau về việc lấy một số vật liệu thi công trạm phát sóng đem bán để lấy tiền về quê ăn tết. Do trước đó Đ đã được đi cùng anh Nguyễn Duy L để gửi nguyên vật liệu tại nhà nghỉ Mai H ở thị trấn Đ, huyện T nên H đã cử Quàng Văn Đ đi lấy.

Ngày 16/01/2019 Cà Văn H đưa cho Quàng Văn Đ 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) làm lộ phí đi đường, đồng thời dặn Đ khi nào đến thị trấn Đ thì vào quán cơm Huân M. Sau đó Đ đi xe khách từ thị trấn Xuân H, huyện Hà Q đến thị trấn Đ, huyện T đồng thời H gọi cho Hà Văn Hu là chủ quán cơm Huân M chuyên chạy xe ô tô dịch vụ và nhờ H hỏi địa điểm thu mua sắt vụn, giúp chuyển đồ hàng sắt đem bán, nói với Hu về việc Đ đang đi sang thị trấn Đ, huyện T để gặp Hu, khi Đ đến thị trấn Đ đã vào quán cơm Huân M, Đ hỏi Hu về việc H có gọi điện thoại nhờ Hu giúp chở đồ và được Hu xác nhận. Sau đó Đ cùng Hu đi bằng xe ô tô Toyota INOVA BKS 11A – 013.47 của Hu xuống Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T để giao cơm rồi quay lên nhà nghỉ Mai H. Tại đây Hu dừng xe đợi ngoài nhà nghỉ,

còn Đ một mình vào nhà nghỉ gặp chị Q (chủ nhà nghỉ Mai H) nói với chị Q là lấy vật liệu để đi làm, chị Q thấy đúng là người đã đem đồ đến gửi nên nhất trí. Đ đi xuống tầng âm nhà nghỉ và tự vận chuyển số vật tư ra xe ô tô gồm: Cáp đồng trần; Cáp vặn xoắn; Cáp thép. Khi Đ đưa các cuộn dây ra ngoài Hu giúp Đ xếp đồ lên xe ô tô, lúc này Đ và H trao đổi qua điện thoại với nhau, Đ nói với H về việc “không có người mua cuộn thép” nhằm mục đích để chiếm số tiền bán Cáp thép, còn H dặn Đ nếu anh Hu có nhu cầu mua cuộn cáp vặn xoắn thì bán cho anh Hu với giá 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Khi trên đường chờ Đ đến địa điểm thu mua phế liệu Hu đã hỏi Đ về nguồn gốc các cuộn dây mà Đ lấy từ nhà nghỉ Mai H đi bán thì Đ nói là “vật liệu còn thừa sau thi công” Đ có đề nghị Hu mua cuộn cáp vặn xoắn và được Huân đồng ý. Khi đến quán cơm Huân M Đ và Hu giúp nhau khiêng cuộn cáp vặn xoắn vào quán rồi cả hai lên xe, đi vượt qua cây xăng tại thôn N, thị trấn Đ đề bán các cuộn dây nhưng không thấy có điểm thu mua sắt vụn nên H đã quay xe lại đến cửa hàng H tại thôn Nà B, thị trấn Đ và Đ đi vào cửa hàng để thỏa thuận với chủ cửa hàng về việc bán các cuộn dây lấy trộm, anh H đồng ý mua cuộn cáp 52,5 kg của Đ với giá 4.000,đ/kg (bốn nghìn đồng/kg) số tiền để mua Cáp thép H trả cho Đ 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

Đối với Cáp đồng trần ban đầu H trả giá 80.000,đ/kg (tám mươi nghìn đồng/ kg), Đ gọi điện hỏi xin ý kiến của H thì được H trả lời 80.000,đ/kg (tám mươi nghìn đồng/kg) không bán, ít nhất phải được 100.000,đ/kg (Một trăm nghìn đồng/kg) mới bán, H còn dặn Đ nếu không bán được thì bảo Hu chở lên thành phố C bán. Khi Đ Và Hu đã lên xe định lên thành phố C thì H gọi lại trả giá 100.000,đ/kg (Một trăm nghìn đồng/kg), Đ nhất trí và cùng H khiêng cáp đồng trần vào cửa hàng cân được 43,5 kg, H trả Đ 4.300.000,đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng), lúc bán Đ gọi điện thông báo cho H biết khối lượng dây đồng, do sợ H không tin nên Đ đã nhờ H dùng điện thoại của H chụp ảnh cáp đồng trần đặt trên bàn cân gửi qua mạng xã hội Zalo cho H, tuy nhiên H và H không kết bạn trên mạng xã hội Zalo được nên H không yêu cầu gửi ảnh nữa.

Khoảng 14 giờ ngày 16/01/2019 sau khi đã bán xong số cáp đồng trần và cáp thép, Đ quay lại quán cơm Huân M để ăn cơm, tại đây Đ được Hu trả 1.000.000,đ (một triệu đồng) số tiền mua cuộn thép vặn xoắn. Đ đang đón xe khách lên thành phố Cao Bằng thì nhận được điện thoại của H thông báo cho Đ biết H và N đang ở bến xe C để đi xe khách về S, Hạnh bảo Đ thuê xe Hu ra bến xe thành phố C để kịp về quê. Sau khi nhận được điện thoại của H, Đ quay lên quán cơm thuê xe Hu đến bến xe đi lên xe khách gặp H đồng thời nói cho H biết là cáp vặn xoắn đã bán cho anh Hu được 1.000.000,đ (một triệu đồng) và đưa cho H số tiền 4.300.000,đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên H đã dùng để trả tiền xe khách, tiền ăn cho cả ba người(H, Đ, N) dọc đường về S hết 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Khi về đến S, Cà Văn H đưa cho Đ 700.000,đ (bảy trăm nghìn đồng), đưa cho N, 2.000.000,đ (hai triệu đồng) tiền công lao động làm công trình.

Ngày 12/12/2018 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã có quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với các cuộn dây cáp mà H và Đ trộm cắp, tại kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐGTS, ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Cáp vặn xoắn 2 X 25 mm hiệu CADISUN: 4.725.000,đ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng); Cáp đồng trần 1 X 50 hiệu CADISUN: 10.412.000,đ (Mười triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng); Dây thép mạ kẽm phi 10 mm: 1.207.500,đ (một triệu hai trăm linh

bảy nghìn năm trăm đồng); Dây thép mạ kẽm phi 12 mm : 540.000,đ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng giá trị số tài sản trên là: 16.884.500,đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra Cà Văn H và Quàng Văn Đ nhiều lần không chấp hành Giấy triệu tập của Cơ quan điều tra Công an huyện T, trong đó Quàng Văn Đ bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Cà Văn H, đồng thời ra lệnh bắt bị can để tạm giam và ra lệnh truy nã đối với Quàng Văn Đ. Ngày 10/3/2019 Đức bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th, tỉnh S đã bắt quả tang về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản Lọng C, xã Thôm M, huyện Th, tỉnh S qua khám xét thu giữ trên người Đ 01 (một) gói nhỏ bằng Nilon màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng, qua cân xác định có khối lượng là 0,19 gam (không phải mười chín gam). Đ khai nhận số Heroine mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th, tỉnh S thu giữ là do Đ mua với một người thanh niên (Đ không quen biết), tại Bản Lọng C, xã Thôm M, huyện Th, tỉnh S với giá 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) để mang về sử dụng, khi Đ đang tìm nơi sử dụng thì bị tổ công tác Công an huyện Th, tỉnh S phát hiện, bắt quả tang.

Ngày 10/03/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th, tỉnh S ra quyết định trưng cầu giám định số: 1383/QĐ, trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S giám định đối với số chất bột cục, màu trắng nghi là Heroine đã thu giữ của Quàng Văn Đ, ngày 10 tháng 3 năm 2019 tại: Phòng PC09 - Công an tỉnh S đã trích 0,10 gam (không phải mười gam) trong tổng số 0,19 gam (không phải mười chín gam) chất bột màu trắng trên để giám định ký hiệu Đ1 được gửi giám định tại Phòng PC09 Công an tỉnh S. Ngày 14/3/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S có kết luận giám định số: 586, kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu Đ1 là ma túy: Loại Heroine.

Số vật chứng còn lại 0,09 gam (không phải không chín gam) chất bột màu trắng nghi là Heroine ký hiệu Đ2 + 01 mảnh Nilon màu trắng + 01 (một) vỏ phong bì niêm phong ban đầu. Các vật chứng trên được cho vào cùng 01 (một) phong bì thư niêm phong, dán kín, mặt trước ghi “Vật chứng nhập kho vụ Quàng Văn Đ - Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 10/3/2019” mặt sau phong bì dán giấy niêm phong đề lên các mép dán của phong bì và trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong, người bị bắt và 02 (hai) hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th và là vật chứng của vụ án.

Trong quá trình điều tra Cà Văn H khai nhận: Ngày 16/01/2019 ngoài vụ trộm trên H cùng với Lường Văn N trộm cắp đồng trần của anh Nguyễn Duy L để ở nhà trạm tại xã Trường H, huyện Hà Q đem đi bán. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có thông báo cho anh Nguyễn Duy L để làm đơn tố giác và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Q biết và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình mở rộng điều tra vụ án Quàng Văn Đ khai nhận ngày 13/01/2019 khi được H cử đến thị trấn Đ để lấy Bu lông mang về thi công cột phát sóng, Đ đã trộm cắp một số cáp đồng trần mang đi bán cho điểm thu mua phế liệu tại thành phố C và huyện Hà Q (hiện Đ không nhớ điểm thu mua phế liệu tại thành phố C còn điểm thu mua phế liệu tại huyện Hà Q khẳng định không được thu mua cáp đồng trần). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ và xác định được số vật chứng nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Lương Văn N trong quá trình H và Đ bàn bạc, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, N có biết nhưng không tham gia bàn bạc, giúp sức gì cho H và Đ các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy N không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với Hà Văn Hu và Đinh Ngọc H khi mua số vật liệu với Đ cả hai người đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy không có cơ sở để xử lý đối với Hà Văn Hu và Đinh Ngọc H.

Về bồi thường dân sự: Bị cáo Cà Văn H thông qua người bào chữa đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường tài sản cho người bị hại, đối với Quảng Văn Đ chưa bồi thường gì cho bị hại.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh C đã tiến hành điều tra xác minh, lấy lời khai của bị hại, xác định đặc điểm, số lượng tài sản bị mất trộm đúng như H và Đ khai nhận.

Tại Cơ quan điều tra Cà Văn H và Quảng Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Bị hại Nguyễn Duy L xác nhận gia đình bị cáo Cà Văn H là ông Cà Văn C (bố đẻ của H) đã thỏa thuận bồi thường tài sản cho anh đầy đủ và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Cà Văn H và bị cáo Quảng Văn Đ, bị hại Nguyễn Duy L không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đinh Ngọc H khai khoảng 13 giờ ngày 16/01/2019 Hân có mua với một người thanh niên gồm: Dây thép mạ kẽm khoảng 53 kg với giá 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) và cáp đồng trần 43 kg, Hân trả 4.300.000,đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Khi mua anh H không biết các cuộn dây này là tài sản do trộm cắp mà có. Tại phiên tòa anh H không yêu cầu các bị cáo trả khoản tiền mà H đã mua các cuộn dây trên. Số cáp thép mạ kẽm và cáp đồng trần H mua với Đ, H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh C.

Hà Văn Huân khai: Ngày 16/01/2019 Huân được Đ thuê chở vật tư các cuộn thép mạ kẽm, cáp đồng trần, cuộn dây điện (cáp vặn xoắn) khi lên xe Hu có hỏi Đ về nguồn gốc số vật tư trên Đ nói “đây là vật tư thi công thừa bọn em mang đi bán” Hu không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp nên đã mua với Đ 01 (một) cuộn dây điện cáp vặn xoắn với giá 1.000.000,đ (một triệu đồng) Tại phiên tòa anh Hu không yêu cầu các bị cáo trả khoản tiền mà anh Hu đã mua cuộn cáp vặn xoắn trên. Cuộn dây điện cáp vặn xoắn trên Hu đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra Công an huyện T.

Đối với 01 (một) cuộn cáp vặn xoắn ABC 2 x 25 mm nhãn hiệu cadisun dài 350 mét chưa sử dụng; Cáp đồng trần 1 x 50 nhãn hiệu cadisun khối lượng 43,5 kg đã bị cắt thành các đoạn ngắn; Cáp thép mạ kẽm khối lượng 52,5 kg đã bị cắt thành các đoạn ngắn, một số đoạn thép bị tách ra thành nhiều sợi nhỏ. Ngày 18/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 03 tiến hành trả lại cho anh Nguyễn Duy L.

Đối với người bán ma túy cho Đ do Đ không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể do vậy cơ quan điều tra Công An huyện Th, tỉnh S không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL có số IMEL: 354791091659660 và IMEL: 354791091659678, điện thoại đã qua sử dụng.

01 (một) phong bì thư niêm phong dán kín, mặt trước ghi: “vật chứng nhập kho vụ Quảng Văn Đ tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 10/3/2019. Đ2 = 0.09 gam”. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong đề lên các mép dán của phong bì và trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của những thành phần tham gia niêm phong, người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th.

01 (một) con dao màu đen, dài 41,5 cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất 7,5 cm, lưỡi dao nhiều chỗ bị quần, mẻ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Cà Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quảng Văn Đ phạm hai tội: Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 13/CT-VKSTA ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm i, s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Cà Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Bị cáo Quảng Văn Đ, áp dụng khoản 1 Điều 173 và Điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Quảng Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Về bồi thường dân sự: Tại đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị hại Nguyễn Duy L xác nhận bị cáo Cà Văn H đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh đầy đủ, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo trả khoản tiền đã mua vật tư với H và Đ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 16/01/2019 Cà Văn H và Quảng Văn Đ bàn bạc thống nhất với nhau và trộm cắp vật liệu thi công trạm phát sóng của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và Thương mại Đại Anh người chịu trách nhiệm là anh Nguyễn Duy L gồm: Dây cáp đồng trần; dây cáp vặn xoắn; dây cáp thép mạ kẽm để bán lấy tiền về quê ăn tết, Do trước đó Đ đã được đi cùng anh Nguyễn Duy L gửi nguyên vật liệu tại nhà nghỉ Mai H ở thị trấn Đ , huyện T nên H đã cử Quảng Văn Đ đi lấy. Cà Văn H đưa cho Quảng Văn Đ 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) làm lộ phí đi đường, đồng thời dặn Đ khi nào đến thị trấn Đ thì vào quán cơm Hu. Sau đó Đ đi xe khách từ thị trấn Xuân H, huyện Hà Q đến thị trấn Đ huyện T đồng thời H gọi cho Hà Văn Hu là chủ quán cơm Hu chuyên chạy xe ô tô dịch vụ và nhờ Hu hỏi địa điểm thu mua sắt vụn, giúp chuyển đồ hàng sắt đem bán, nói với Hu về việc Đ đang đi sang thị trấn Đ, huyện T để gặp Hu, khi Đ đến thị trấn Đ đã vào quán cơm Hu, Đ hỏi Hu về việc H có gọi điện thoại nhờ Hu giúp chở đồ và được Hu xác nhận. Sau đó Đ cùng Hu đi bằng xe ô tô Toyota INOVA BKS 11A - 013.47 của Hu xuống Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T để giao cơm rồi quay lên nhà nghỉ Mai H. Tại đây Hu dừng xe đợi ngoài nhà nghỉ, còn Đ một mình vào nhà nghỉ gặp chị Q (chủ nhà nghỉ Mai H) nói với chị Q là lấy vật liệu để đi làm, chị Q thấy đúng là người đã đem đồ đến gửi nên nhất trí. Đ đi xuống tầng âm nhà nghỉ và tự vận chuyển số vật tư ra xe ô tô gồm: Cáp đồng trần, Cáp vặn xoắn, Cáp thép mạ kẽm. Khi Đ đưa các cuộn dây ra ngoài Hu giúp Đ xếp đồ lên xe ô tô. Khi trên đường chở Đ đến địa điểm thu mua phế liệu Hu đã hỏi Đ về nguồn gốc các cuộn dây mà Đ lấy từ nhà nghỉ Mai H đem bán thì Đ nói là “vật liệu còn thừa sau thi công” Đ có đề nghị Hu mua cuộn cáp vặn xoắn và được Hu đồng ý mua với giá 1.000.000,đ (Một triệu đồng) và Đ bán cho H gồm cáp mạ kẽm 52,5 kg với giá 4.000,đ/kg (bốn nghìn đồng/ kg) H trả cho Đ 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng); Cáp đồng trần 43,5 kg, H trả Đ 4.300.000,đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền Đ bán vật tư cho Hu và H được 5.500.000,đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), khoản tiền này Đ đã chi trả tiền thuê xe Hu từ Đô lên thành phố C hết 400.000,đ. Đến thành phố C, Đ đưa cho H 4.300.000,đ khoản tiền trên H đã dùng chi trả tiền xe khách, tiền ăn cho cả ba người (H, Đ, N) dọc đường về S hết 1.700.000,đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Khi về đến S, Cà Văn H đưa cho Đ, 700.000,đ (bảy trăm nghìn đồng), đưa cho N 2.000.000,đ (hai triệu đồng) tiền công lao động làm công trình.

Ngày 12/12/2018 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã có quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với các cuộn dây cáp mà H và Đ trộm cắp, tại kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐGTS, ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Cáp vặn xoắn 2 X 25 mm hiệu CADISUN: 4.725.000,đ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng); Cáp đồng trần 1 X 50 hiệu CADISUN: 10.412.000,đ (Mười triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng); Dây thép mạ kẽm phi 10mm: 1.207.500,đ (một triệu hai trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng); Dây thép mạ kẽm phi 12mm: 540.000,đ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng giá trị số tài sản trên là: 16.884.500,đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản do Cà Văn H và Quảng Văn Đ trộm cắp là: 16.884.500,đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Khi đang bị truy nã về tội ‘Trộm cắp tài sản’ Quảng Văn Đ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tàng trữ trái phép 0,19 gam (không phải mười chín gam) Heroine thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th, tỉnh S bắt quả tang. Tại bản kết luận giám định số: 586,

ngày 14/3/2019 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh S: Mẫu gửi giám định ký hiệu Đ1 là ma túy: Loại Heroine.

Do vậy hành vi của bị cáo Cà Văn H và Quàng Văn Đ có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 13/CT-VKSTA ngày 30/5/2019 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo Cà Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, Quàng Văn Đ bị truy tố 02 tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này Cà Văn H và Quàng Văn Đ cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong đó Cà Văn H là người tổ chức, chỉ đạo và giúp sức tích cực trong việc thực hiện tội phạm, Quàng Văn Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy H và Đ là đồng phạm trong hành vi trộm cắp tài sản.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Cà Văn H và Quàng Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo H và Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, đối với bị cáo Quàng Văn Đ ngoài phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo còn phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây mất an ninh trật tự, trị an xã hội tại địa phương, đồng thời cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Cà Văn H: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đối với bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường cho bị hại nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo H được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2, Điều 51 - Bộ luật hình sự,

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Đối với bị cáo Quàng Văn Đ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đối với bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo Đ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2, Điều 51 - Bộ luật hình sự,

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với Lương Văn N trong quá trình H và Đ bàn bạc, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, N có biết nhưng không tham gia bàn bạc, giúp sức gì cho H và Đ các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy N không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với Hà Văn Hu và Đinh Ngọc H khi mua số vật tư với Đ cả hai người đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy không có cơ sở để xử lý đối với Hà Văn Hu và Đinh Ngọc H.

Đối với người bán ma túy cho Đ do Đ không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể do vậy cơ quan điều tra Công An huyện Th không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra Cà Văn H khai nhận: Ngoài vụ trộm trên H cùng với Lương Văn N trộm cắp đồng trần của anh Nguyễn Duy L để ở nhà trạm tại xã Trường H, huyện Hà Q đem đi bán. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có thông báo cho anh Nguyễn Duy L0 để làm đơn tố giác và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Q biết để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 13/01/2019 Quảng Văn Đ khi được H cử xuống thị trấn Đông K để lấy Bu lông mang về thi công cột phát sóng, Đ đã trộm cắp một số cáp đồng trần mang đi bán cho điểm thu mua phế liệu tại thành phố C và huyện Hà Q (hiện Đ không nhớ điểm thu mua phế liệu tại thành phố C còn điểm thu mua phế liệu tại huyện Hà Q khẳng định không được thu mua cáp đồng trần). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ và xác định được số vật chứng nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với cuộn cáp vặn xoắn ABC 2 x 25mm nhãn hiệu cadisun dài 350 mét chưa sử dụng; Cáp đồng trần 1 x 50 nhãn hiệu cadisun khối lượng 43,5 kg đã bị cắt thành các đoạn ngắn; Cáp thép mạ kẽm khối lượng 52,5 kg đã bị cắt thành các đoạn ngắn, một số đoạn thép bị tách ra thành nhiều sợi nhỏ. Ngày 18/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 03 tiến hành trả lại cho anh Nguyễn Duy L thể hiện tại biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/4/2019.

Về bồi thường dân sự: Bị hại Nguyễn Duy L tại đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Cà Văn Hạnh và Quảng Văn Đức, anh Linh xác nhận Cà Văn Hạnh đã tác động gia đình để gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho anh đầy đủ và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đinh Ngọc H và anh Hà Văn Hu không yêu cầu các bị cáo trả khoản tiền đã mua vật tư.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Các bị cáo H, Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo: Cà Văn H bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhận thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại đầy đủ, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Cà Văn H.

[6] Phần nói lời sau cùng: Các bị cáo xin lỗi bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

[7] Về bồi thường dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường và trả tiền mua Vật tư. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL có số IMEL: 354791091659660 và IMEL: 354791091659678, điện thoại đã qua sử dụng là chiếc điện thoại của Cà Văn H dùng để liên lạc trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

01 (một) phong bì thư niêm phong dán kín, mặt trước ghi: “vật chứng nhập kho vụ Quàng Văn Đ tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 10/3/2019. Đ2 = 0.09 gam”. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong đề lên các mép dán của phong bì và trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của những thành phần tham gia niêm phong, người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th. Cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) con dao màu đen, dài 41,5 cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất 7,5 cm, lưỡi dao nhiều chỗ bị rỉ, mẻ là con dao mà Đ đã sử dụng chặt dây đồng ngày 13/01/2019. cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Đối với bị cáo: Cà Văn H:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Cà Văn H - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cà Văn H 09 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2019

Đối với bị cáo Quàng Văn Đ:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Quàng Văn Đ - Phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 12 (mười hai) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 3 năm 2019.

2. Về bồi thường dân sự: Không có

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên:

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL có số IMEI: 354791091659660 và IMEI: 354791091659678, điện thoại đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong dán kín, mặt trước ghi: “vật chứng nhập kho vụ Quảng Văn Đ tàng trữ trái phép chất ma túy bắt ngày 10/3/2019. Đ2 = 0.09 gam”. Mặt sau phong bì dán giấy niêm phong đề lên các mép dán của phong bì và trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của những thành phần tham gia niêm phong, người bị bắt và 02 hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th.

+ 01 (một) con dao màu đen, dài 41,5 cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất 7,5 cm, lưỡi dao nhiều chỗ bị quần, mẻ.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T, ngày 31/5/2019 và sẽ đưa ra thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Cà Văn H và bị cáo Quảng Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Ngô Văn Hoàn

Nguyễn Thị Hằng

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương